

Số: 35/TB-HĐND

Đức Phổ, ngày 27 tháng 3 năm 2024

THÔNG BÁO

**Đề cương giám sát công tác xét xử các vụ án dân sự,
án hành chính tại Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ**

Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Đoàn giám sát theo quy định tại khoản 2 Điều 80, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân; Quyết định số: 34/QĐ-HĐND ngày 27/3/2024 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân thị xã Đức Phổ về thành lập Đoàn giám sát công tác xét xử các vụ án dân sự, án hành chính tại Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ.

Đoàn giám sát Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân thị xã Đức Phổ thông báo cho đơn vị chịu sự giám sát biết và xây dựng báo cáo nội dung giám sát theo đúng Đề cương, gửi cho Đoàn giám sát **chậm nhất đến ngày 29/4/2024**.

Đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ nghiêm túc thực hiện để đợt giám sát được triển khai theo kế hoạch./.

Nơi nhận:

- TTHĐND thị xã (b/c);
- Tòa án nhân dân thị xã;
- Thành viên Đoàn giám sát;
- Lưu: VT.

**TM. ĐOÀN GIÁM SÁT
TRƯỞNG ĐOÀN**



Tô Thị Trúc

TRƯỞNG BAN PHÁP CHẾ

Handwritten text in the top right corner, possibly a date or reference number, including the word "Date".



GỢI Ý ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Kết quả công tác xét xử các vụ án dân sự,
án hành chính tại Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ
(Ban hành kèm theo Thông báo số 35 /TB-HĐND ngày 27/3/2024
của Đoàn giám sát Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân thị xã Đức Phổ)

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

- Tình hình về biên chế, tổ chức; số lượng và chất lượng hoạt động của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân.

- Những thuận lợi và khó khăn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành

2. Kết quả công tác tiếp nhận và giải quyết các loại vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại ... (gọi chung là án Dân sự) và án Hành chính theo pháp luật Tố tụng

2.1. Tổng số vụ việc thụ lý, tiếp nhận

Nêu cụ thể số liệu từng năm và so sánh với số liệu cùng kỳ năm trước.

2.2 Cụ thể từng loại án

- Số vụ việc đã giải quyết (*bao nhiêu vụ, đạt % so với thụ lý*), đang giải quyết (*bao nhiêu vụ, tỷ lệ %*); chưa giải quyết (*bao nhiêu vụ, tỷ lệ %, lý do*).

- Số vụ việc tạm đình chỉ đến nay Tòa án chưa giải quyết (*bao nhiêu vụ, tỷ lệ %, lý do*)

- Số vụ việc đình chỉ (*bao nhiêu vụ, tỷ lệ %*).

- Số án quá thời hạn chuẩn bị xét xử còn bao nhiêu vụ, nguyên nhân. Số vụ thời gian lâu nhất là bao nhiêu ngày (*nêu cụ thể, nguyên nhân*).

2.3. Chất lượng xét xử

- Số án bị hủy, sửa, án xét xử quá hạn theo quy định của pháp luật (*phân loại cụ thể các vụ việc, số vụ việc qua từng năm, tỷ lệ %*); nguyên nhân và giải pháp khắc phục

- Số án đương sự kháng cáo, xét xử theo trình tự phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm của TAND; số vụ việc Viện Kiểm sát nhân dân (VKSND) kháng nghị. Nguyên nhân khách quan, chủ quan trong các vấn đề nêu trên

- Đánh giá về kết quả, chất lượng xét xử giải quyết các loại án của thẩm phán. Việc xử lý trách nhiệm của Thẩm phán do lỗi chủ quan để án bị hủy, sửa

- Đánh giá về trình độ chuyên môn, năng lực nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức của Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký Tòa án... trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao

.....

- Số liệu báo cáo từng năm (năm 2022 và năm 2023) tính theo quy định của ngành, riêng năm 2024 số liệu báo cáo tính đến ngày 30/3/2024.

- Án dân sự tạm đình chỉ, đình chỉ tính đến ngày 30/3/2024 (có phụ lục liệt kê từng vụ án kèm theo).

- Án xét xử sơ thẩm bị sửa, bị hủy tính đến ngày 30/3/2024 (có phụ lục liệt kê từng vụ án kèm theo).

- Án quá thời hạn xét xử tính đến ngày 30/3/2024 (có phụ lục liệt kê từng vụ án kèm theo)

3. Kết quả công tác tiếp nhận và giải quyết các loại vụ việc theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án

- Tổng số vụ việc tiếp nhận, xử lý; kết quả giải quyết hòa giải, đối thoại thành, tỷ lệ %; không thành, tỷ lệ %; đang thực hiện, tỷ lệ%

- Đánh giá trình độ, năng lực, phẩm chất đạo đức của Hòa giải viên trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao

- Đánh giá hiệu quả việc thực hiện Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án

4. Công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của công dân liên quan đến việc giải quyết các vụ việc

- Kết quả công tác tiếp công dân; số đơn thư khiếu nại, tố cáo đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo; số đơn đã giải quyết, chưa giải quyết, tỷ lệ %.

(Nêu cụ thể số vụ việc khiếu nại, tố cáo liên quan đến từng Thẩm phán)

5. Kết quả xử lý hành chính tại Tòa án (nêu cụ thể từng năm)

Tổng số vụ việc thụ lý; số đã giải quyết (đạt bao nhiêu % so với thụ lý), đang giải quyết (bao nhiêu vụ, tỷ lệ %).

6. Mối quan hệ công tác giữa TAND với cơ quan VKSND, Công an, Thi hành án dân sự, chính quyền các cấp, các ngành liên quan khác trong công tác giải quyết các vụ việc

- Việc thực hiện Quy chế phối hợp liên ngành trong hoạt động tố tụng, công tác xác minh, thu thập chứng cứ, xét xử....

- Công tác phối kết hợp với các cơ quan hữu quan trong thực hiện nhiệm vụ, như: sự lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền, đoàn thể các cấp, tạo điều kiện để Tòa án giải quyết và xét xử án

(Cần đánh giá cụ thể kết quả đạt được, chưa được; nguyên nhân; những khó khăn, vướng mắc liên quan đến từng vụ việc)

7. Kết quả việc tổ chức phiên tòa trực tuyến theo tinh thần Nghị quyết số 33/2021/QH15 ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội khóa XV

- Công tác lãnh đạo và phối hợp triển khai thực hiện Nghị quyết.

- Kết quả đạt được (nêu số liệu cụ thể từng năm, so sánh với chỉ tiêu được giao nếu có).

- Khó khăn, vướng mắc, kiến nghị đề xuất.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**1. Kết quả đạt được****2. Hạn chế, nguyên nhân**